

CÔNG TY CỔ PHẦN TECHSTORM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TECHSTORM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TECHSTORM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TECHSTORM.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109889595

3. Ngày thành lập: 17/01/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Chợ Mới, Thôn Bùng, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963928838

Fax:

Email: info.techstorm@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống âm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Trừ đấu giá	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán mô tô, xe máy Trừ đấu giá	4541

11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Trừ đấu giá	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán, kinh doanh vật tư, linh kiện và máy móc thiết bị dùng trong công nghiệp và văn phòng.	4659
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép. - Bán buôn kim loại.	4662
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt công ty kinh doanh	8299(Chính)
17.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
18.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn về luật bất động sản) Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
19.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
20.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

21.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Kiểm định xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình Thiết kế cơ - điện công trình Thiết kế cấp - thoát nước công trình Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ; cầu - hầm; đường sắt; đường thủy nội địa, hàng hải) Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều Giám sát công tác xây dựng công trình Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Định giá xây dựng Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.	7110
22.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
23.	Cho thuê xe có động cơ	7710
24.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
25.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
26.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
27.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
28.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
29.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
30.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
31.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
32.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
33.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
34.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

35.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
36.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
37.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
38.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
39.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
40.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
41.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
42.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng... - Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô; - Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm; - Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện); - Sản xuất các sản phẩm từ asphát và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính atphát, xỉ than; - Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện).	2399
43.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
44.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
45.	Đúc sắt, thép	2431
46.	Đúc kim loại màu Không bao gồm sản xuất vàng miếng	2432
47.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
48.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
49.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
50.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
51.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
52.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
53.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội	2599
54.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
55.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
56.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

57.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
58.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
59.	Sản xuất đồng hồ	2652
60.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
61.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
62.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
63.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
64.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
65.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
66.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
67.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
68.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
69.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
70.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
71.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
72.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
73.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
74.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
75.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
76.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
77.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
78.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
79.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
80.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
81.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
82.	Sản xuất máy luyện kim	2823
83.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
84.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
85.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
86.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
87.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
88.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
89.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
90.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

91.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
92.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
93.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
94.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
95.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
96.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
97.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
98.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
99.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
100.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan Trừ sản xuất vàng miếng	3211
101.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
102.	Sản xuất nhạc cụ	3220
103.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
104.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
105.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
106.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn), + Sản xuất mặt nạ khí ga. - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... - Sản xuất bàn chải giày, quần áo; - Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; - Sản xuất các nút, khóa ấn, khoá móc, khoá trượt;\	3290
107.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
108.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
109.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
110.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

111.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
112.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
113.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
114.	Xây dựng nhà để ở	4101
115.	Xây dựng nhà không để ở	4102
116.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
117.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
118.	Xây dựng công trình điện	4221
119.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
120.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
121.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
122.	Xây dựng công trình thủy	4291
123.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
124.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
125.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
126.	Phá dỡ	4311
127.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
128.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN KHOA	Xóm Lộc, Xã Mỹ Thuận, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	161819785	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
2	LÊ TIẾN HUY	Phòng 508, tòa nhà A1D1, Tổ dân phố số 4, Khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	0400850001 87	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		

3	PHẠM THỊ MÂY	Xóm Tân Mỹ, Xã Ninh Mỹ, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	037184003750
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000	
4	ĐỒNG SỸ BÌNH	Thôn Cầu Cả, Xã Cổ Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	001089051819
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ TIẾN HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/12/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040085000187

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 508, tòa nhà A1D1, Tổ dân phố số 4, Khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 508, tòa nhà A1D1, Tổ dân phố số 4, Khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội